

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Nam.

2. Ông Huỳnh Kim Thái Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 517/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc Thanh P, sinh năm 1985.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 26, đường số 7, Khu dân cư MTN, khu phố 2, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Địa chỉ tạm trú: Số 267/11/2A, đường Lê Đình Cẩn, khu phố 5, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 26, đường số 7, Khu dân cư MTN, khu phố 2, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

(Ông P có đơn xin xét xử vắng mặt, bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 22/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Thanh P trình bày:

Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên vào năm 2011 ông và bà Trần Thị Ngọc C xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy

chứng nhận kết hôn ngày 11/11/2011.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại số 26, đường số 7, Khu dân cư MTN, khu phố 2, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng ông đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà C.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống ông và bà C có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Phúc, sinh ngày 11/12/2012. Hiện con chung đang sống với bà C, khi ly hôn ông đồng ý để bà C được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thanh Phúc, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sự việc đã được Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập thủ tục hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn bà Trần Thị Ngọc C vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Thanh P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Ngọc Thanh P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Ngọc C, ông đồng ý để bà C được trực tiếp nuôi con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Thanh P có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thị Ngọc C đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông P và bà C.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét thấy, ông Nguyễn Ngọc Thanh P và bà Trần Thị Ngọc C do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/11/2011, hôn nhân của ông P và bà C là hợp pháp. Ông P và bà C do quen biết và đi đến hôn

nhân, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Theo ông P, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng ông đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Bà C vắng mặt và không thể hiện ý kiến về yêu cầu ly hôn của ông P. Xét thấy tình cảm vợ chồng của ông P và bà C đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của ông P được ly hôn với bà C phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Ông P và bà C xác định quá trình chung sống ông P, bà C có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Phúc, sinh ngày 11/12/2012. Xét thấy, cháu Phúc đang sống cùng bà C, bà C vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định về môi trường sinh hoạt của cháu Phúc, ông P đồng ý để bà C được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà C vắng mặt và không thể hiện ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Nguyễn Ngọc Thanh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét ý kiến của ông P về việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận, ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi cháu Phúc đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà C không có văn bản gì trình bày vấn đề này, ông P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Ngọc Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Thanh P đối với bà Trần Thị Ngọc C về việc ly hôn.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc Thanh P và bà Trần Thị Ngọc C.

Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Ngọc Thanh P và bà Trần Thị Ngọc C có một con chung là Nguyễn Thanh Phúc, sinh ngày 11/12/2012. Giao con chung tên Nguyễn Thanh Phúc, sinh ngày 11/12/2012 cho bà Trần Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Ngọc Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi cháu Phúc đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012256 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Ông P phải nộp thêm 300.000 đồng án phí còn thiếu.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- THADS huyện Bến Lức;
- UBND thị trấn Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Thảo

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoàng Nam Huỳnh Kim Thái Long

Phan Thu Thảo